TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 201/2020/QĐST-HNGĐ	*Cẩm Phả, ngày 29 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 212/2020/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020giữa:

- Nguyên đơn: Chị H T T A**,** sinh năm: 1994
  Địa chỉ: Tổ 1, khu 2, phường C Đ, thành phố C P, tỉnh Q N.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Huy H, sinh năm: 1989
  Địa chỉ: Tổ 6, khu D T, phường C Đ, thành phố C P, tỉnh Q N.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị H T T A và anh N H H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị H T T A và anh N H H cùng thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị H T T A và anh N H H có 01 con N H T, sinh ngày 26/10/2012.

Anh N H H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con N H T cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Chị H T T A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và vay nợ chung: Chị H T T A và anh N H H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H T T A tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T A đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005280 ngày 22/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C P, tỉnh Q N. Trả lại cho chị H T T A số tiền chênh lệch là 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.C P;
- Chi cục thi hành án dân sự TP.C P;
- Tòa án nhân dân tỉnh QN;
- UBND phường C Đ, TP.C P;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP;

THẨM PHÁN
(đã ký)

Trương Thị Túc